ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Số: 2250/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 26 tháng 6 năm 2025

QUYÉT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được ban hành mới và bị bãi bỏ trong lĩnh vực An toàn thực phẩm thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của ngành Y tế tỉnh Đồng Nai

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cử Quyết định số 2076/QĐ-BYT ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành và bị bãi bỏ trong lĩnh vực an toàn thực phẩm quy định tại Nghị định số 148/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 3555 /TTr-SYT ngày 26 tháng 6 năm 2025.

QUYÉT ĐỊNH:

- Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục các thủ tục hành chính được ban hành mới và bị bãi bỏ trong lĩnh vực An toàn thực phẩm thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của ngành Y tế tỉnh Đồng Nai, cụ thể như sau:
 - 1. Ban hành mới 12 thủ tục hành chính cấp tỉnh.
- 2. Bãi bỏ 01 thủ tục hành chính cấp tỉnh đã được ban hành tại Quyết định số 297/QĐ-UBND ngày 22/01/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế, UBND cấp huyện, UBND cấp xã tỉnh Đồng Nai; Quyết định số 1490/QĐ-UBND ngày 27/6/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính, phê duyệt quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế, Ủy ban nhân dân cấp huyện tỉnh Đồng Nai.

(Phụ lục Danh mục thủ tục hành chính kèm theo)

Trường hợp thủ tục hành chính công bố tại Quyết định này đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ thì áp dụng thực hiện theo văn bản pháp luật hiện hành.

- Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025; Các nội dung khác tại Quyết định số 297/QĐ-UBND ngày 22/01/2020, Quyết định số 1490/QĐ-UBND ngày 27/6/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh vẫn giữ nguyên giá trị pháp lý.
- Điều 3. Sở Y tế và các cơ quan, đơn vị có liên quan có trách nhiệm tổ chức niêm yết, công khai danh mục thủ tục hành chính này tại trụ sở làm việc, trên trang Thông tin điện tử và tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của đơn vị; triển khai tiếp nhận và xử lý thủ tục hành chính cho người dân theo quy định tại Quyết định này.

Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm chủ trì, phối hợp Sở Y tế cập nhật nội dung thủ tục hành chính đã được công bố lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính của Chính phủ.

Sở Y tế có trách nhiệm xây dựng quy trình nội bộ, quy trình điện tử của giải quyết thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định này làm cơ sở để Sở Khoa học và Công nghệ triển khai thực hiện cấu hình, cập nhật quy trình giải quyết thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh theo quy định.

Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Sở Y tế và các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện cập nhật nội dung các thủ tục hành chính đã được công bố trên Cổng dịch vụ công của tỉnh. Thực hiện cấu hình, tích hợp, kết nối dịch vụ công trực tuyến đủ điều kiện lên Cổng dịch vụ công Quốc gia, Cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh theo quy định.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Y tế, Khoa học và công nghệ; Giám đốc Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục Kiểm soát thủ tục hành chính (VPCP);
- Bô Y tế:
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Đài Phát thanh và Truyền hình Đồng Nai;
- Báo Đồng Nai;
- Tổng đài DVC 1022 (phối hợp);
- Luu: VT, KGVX, HCC, Cổng TTĐT tỉnh.



Võ Tấn Đức

Phụ lục Phụ lục THỦ TỰC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC BAN HÀNH MÓI VÀ BỊ BÃI BỔ TRONG LĨNH VỰC ẠN TOÀN THỰC PHẨM THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẦN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA NGÀNH Y TẾ TỈNH ĐỘNG NAI

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2250/QĐ-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai)

I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC BAN HÀNH MỚI

, <u></u>	Sti
1.013838	Stt Mã TTHC
Cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với sản phẩm thực phẩm khẩu thuộc quyền quản lý của Bộ Y tế	Tên TTHC
03 ngày làm việc, kể từ ngày thương nhân nộp hồ sơ đầy đủ, đúng quy định	Thời hạn giải quyết
Nộp hô sơ đến Cơ quan chuyên môn về y tế thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan chuyên môn được Ủy ban nhân dân dân dân cấp tỉnh giao nhiệm vụ qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc nộp trực tuyến	
Cơ quan chuyên môn về y tế thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan chuyên môn được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao nhiệm vụ	Cơ quan thực hiện
Phí: 1.000.000 dồng/1 sản phẩm Lệ phí: không có (Thông tư số 67/2021/TT- BTC ngày 5/8/2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn thực phẩm)	Phí, lệ phí
- Luật An toàn thực phẩm - Nghị định số 148/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực y tế - Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật Quản lý ngoại thương - Thông tư số 67/2021/TT-BTC ngày 05/8/2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn thực phẩm	Căn cứ pháp lý
Toàn trình	DVCTT

	_
7	(
1	(

DVCTT		Toàn
Căn cứ pháp lý		- Luật An toàn thực phẩm - Nghị định số 148/2025/NĐ- CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực y tế - Nghị định số 69/2018/NĐ- CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật Quản lý ngoại thương - Thông tư số 67/2021/TT- BTC ngày 05/8/2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn thực phẩm
Phí, lệ phí		Không có
Cơ quan thực hiện		Cơ quan chuyên môn về y tế thuộc Ủy ban nhân dân cấp tính hoặc cơ quan chuyên môn được Ủy ban nhân dân cấp tính giao nhiệm vụ
Địa điểm thực hiện	hoặc qua bưu chính công ích	sơ liệp dựu so vưu co cơ tránh linh hân liao liao liao liao liao liao liao liao
Thời hạn giải quyết		3 ngày làm việc
Tên		Sửa đổi, bổ sung, cấp lại giấy chứng nhận lưu hành tự do đối với sản phẩm thực phẩm xuất khẩu thuộc quyền quyền quản lý của Bộ Y tế (CFS)
Stt Mā TTHC		1.013847
Stt		7

. ω	Stt
1.013851	t Mã TTHC
Đăng ký nội dung quảng cáo đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dung cho trẻ đến 36 tháng tuổi	Tên TTHC
10 ngày làm việc	Thời hạn giải quyết
Trực tiếp, trực tuyển hoặc qua bưu chính công ích	Địa điểm thực hiện
Cơ quan chuyên môn về y tế thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan chuyên môn được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao nhiệm vụ	Cơ quan thực hiện
- Phí: 1.100.000 dồng/lần/sản phẩm - Lệ phí: không có (Theo Thông tư 67/2021/TT-BTC ngày 05/08/2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn thực phẩm)	Phí, lệ phí
55/2010/QH12 ngày 17/6/2010 của Quốc hội - Luật Quảng cáo số 16/2012/QH13 ngày 21/6/2012 của Quốc hội - Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật An toàn thực phẩm - Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quảng cáo - Thông tư số 09/2015/TT-BYT ngày 25/5/2015 về xác nhận nội dụng quảng cáo đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đặc biệt thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Y tế - Nghị định số 100/2014/NĐ-CP ngày 06/11/2014 của Chính phủ quy định về kinh doanh và sử dụng sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ nhỏ, bình bú và vú ngậm nhân tạo - Nghị định số 148/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính	Căn cứ pháp lý
Toàn trình	DVCT T

	_	1
		•

DVCT T		Một phần
Căn cứ pháp lý	phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực y tế – Thông tư 67/2021/TT-BTC ngày 05/08/2021 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn thực phẩm	- Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17/6/2010 của Quốc hội - Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ sửa đổi một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vị quản lý nhà nước của Bộ Y tế - Nghị định số 148/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực y tế - Thông tư 67/2021/TT-BTC ngày 05/08/2021 của Bộ Tải chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn thực phẩm
Phí, lệ phí		- Phí: + Đối với cơ sở sản xuất nhỏ lẻ được cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm: 500.000 đồng/lần/cơ sở xuất khác (bao gồm cả cơ sở vừa sản xuất khác (bao gồm cả cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh) được cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm: 2.500.000 đồng/lần/cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống phục vụ đười 200 suất ăn: 700.000
Cơ quan thực hiện		- Phí:
Địa điểm thực hiện		- Trực tiếp, trực tuyển hoặc qua bưu chính công ích
Thời hạn giải quyết		20 ngày làm việc
Tên TTHC		Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh 20 r dịch vụ ăn việc uống, cơ sở sản xuất thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế
Mã TTHC		1.013855
Stt		4

t		j	۲	ì
`	•			•

	Ma	Tâ	Thời hạn giải	Đia điểm				
Stt	TTHC	C	quyết	thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	DVCT T
						đông /lân/cơ sở hình + Đôi với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống phục vụ từ 200 suất ăn trở lên:		
						1.000.000 dồng/lần/cơ sở		
						 Lệ phí: không có (Theo Thông tư 67/2021/TT-RTC 		
						định mức thu, chế độ		
						thu, nộp, quản lý và		
						sử dụng phi trong công tác an toàn thực		
		Đăng ký hản công		Qua hệ			- Luật An toàn thực phẩm số	
		bố sản		90			55/2010/QH12 ngày 17/6/2010 của Quốc hôi	
		pham nhập khẩu		trực tuyên	Cơ quan chuyên môn về		- Nghị định số 15/2018/NĐ- CP ngày 02/02/2018 của	
Ŋ	1.013858	thực phẩm	07 ngày	bưu điện hoặc nộp	dân cấp tỉnh hoặc cơ quan chuyên môn được	đồng/1 sản phẩm Lê nhí: không có		Toàn
		dưỡng y		trực tiếp	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh			ппп
		học, thực		quan tiếp	Sigo milėm vit		CP ngày 12/6/2025 của Chính	
		dùng cho		hô			phủ quy định phân cấp, phân	
		chế độ ăn					quyen trong lĩnh vực y tê - Thông tư số 67/2021/TT-	
							-TIT/1707/10 00 m3 Smorrs	_

٠	١.	

	Stt
	Mã TTHC
nghiệm thực phẩm phục vụ quần lý nhà nước	
nghiệm dánh giá cơ sở thực phẩm kiểm nghiệm) phục vụ quân lý nhà nước	Thời hạn giải quyết
chính công ích	Địa điểm thực hiện
quan chuyên môn được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao nhiệm vụ	Cơ quan thực hiện
(Theo Thông tư 67/TT-BTC ngày 05/8/2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn thực phẩm)	Phí, lệ phí
- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá ngày 21 tháng 11 năm 2007 - Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17/6/2010 - Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật - Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá - Nghị định số 107/2008/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp - Nghị định số 148/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực y tế - Thông tư liên tịch số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT ngày 01/8/2013 của Bộ Y tế, Bộ Công	Căn cứ pháp lý
,	DVCT

DVCT	
Căn cứ pháp lý	Thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Quy định điều kiện, trình tự thủ tục chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước - Thông tư số 67/2021/TT-BTC ngày 05/8/2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn thực nhậm
Phí, lệ phí	
Cơ quan thực hiện	
Địa điểm thực hiện	
Thời hạn giải quyết	
lên THC	
TTI	
Stt	

	-	7

	∞
	1.013854
	Đăng ký gia hạn chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước
	- 45 ngày làm việc đối với cơ sở kiểm thuộc đối tượng quy định tại Phần 7 Phụ lục 5 Nghị định 148/2025/NĐ -CP 30 ngày làm việc đối tượng quy định tại Phần nghiệm thuộc đối tượng quy định tại Phần 8 Phụ lục 5 Nghị định 148/2025/NĐ -CP.
	Trực trực hoặc chính ích
	tiếp, tuyến, bưu công
	Cơ quan chuyên môn về y tế thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan chuyên môn được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao nhiệm vụ.
	Phí: 20.500.000 đồng Lệ phí: không có (Theo Thông tư 67/2021/TT-BTC ngày 05/8/2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn thực phẩm)
i ai Cillilli duy ainn muc thu,	- Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006 - Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá ngày 21 tháng 11 năm 2007 - Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17/6/2010 - Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật - Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá - Nghị định số 107/2008/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định vè điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp - Nghị định số 148/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực y tế - Thông tư số 67/2021/TT-BTC ngày 05/8/2021 của Bộ
	Một phần

	Một
chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn thực phẩm	
	Phí: 28.500.000 đồng Lệ phí: không có (Theo Thông tư 67/2021/TT-BTC ngày 05/8/2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn thực phẩm)
1	Cơ quan chuyên môn về y tế thuộc Ủy ban nhân dân cấp tính hoặc cơ quan chuyên môn được Ủy ban nhân dân cấp tính giao nhiệm vụ.
	Trực tiếp, trực tuyển, hoặc bưu chính công ích
	-45 ngày làm việc đối với cơ sở kiểm nghiệm thuộc đối tượng quy định tại Phần 7 Phụ lục 5 Nghị định 148/2025/NĐ-CP (không bao gồm thời gian đánh giá tại cơ sở kiểm nghiệm) -30 ngày làm việc đối với cơ sở kiểm nghiệm thuộc đối tượng quy định tại Phần 8 Phụ lục 5 Nghị định 148/2025/NĐ-CP (không bao gồm thời gian đánh giá tại cơ sở kiểm nghiệm néu cần thiết)
4	Đăng ký thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước
	1.013850
	6

10	
1.013844	
chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm đã được tổ chức công nhận hợp pháp của Việt Nam hoặc tổ chức công nhận nước ngoài là thành viên tham gia thỏa thuận lẫn nhau	
30 ngày làm việc (chưa bao gồm thời gian đánh giá cơ sở kiểm nghiệm trong trường hợp cần thiết)	
Trực trực hoặc chính ích	
tiếp, tuyến, bưu công	
Cơ quan chuyên môn về y tế thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan chuyên môn được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao nhiệm vụ	
Phí: 28.500.000 đồng Lệ phí: không có (Theo Thông tư 67/2021/TT-BTC ngày 05/8/2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn thực phẩm)	
 Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006 Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá ngày 21 tháng 11 năm 2007 Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17/6/2010 Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 Cừ ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số diều của Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 Cừa hành một số điều của Luật thi hành một số điều của Luật 	20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT ngày 01/8/2013 của Bộ Y tế, Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Quy định điều kiện, trình tự thủ tục chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước - Thông tư số 67/2021/TT-BTC ngày 05/8/2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trọng công tác an toàn thực phẩm
Một phần	

	Toàn trình
Chất lượng sản phẩm, hàng hoá - Nghị định số 107/2008/NĐ- CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp - Nghị định số 148/2025/NĐ- CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực y tế - Thông tư số 67/2021/TT- BTC ngày 05/8/2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn thực phẩm	 Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006 Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá ngày 21 tháng 11 năm 2007
	Không có
	Cơ quan chuyên môn vê y tế thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan chuyên môn được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao nhiệm vụ
	Trực tiếp, trực tuyến, hoặc bưu chính công ích
	05 ngày làm việc
của Hiệp hội công nhận phòng thí nghiệm Quốc tế, Hiệp hội công nhận phòng thí nghiệm Châu Á-Thái Bình Dương đánh giá và cập chưmg chỉ công nhận theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025 hoặc Tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025	Mien kiểm tra giám sát đối với cơ sở kiểm nghiệm
	1.013841
	11

. *		
Duơng đánh giá và cấp chứng chỉ công nhận theo Tiêu chuẩn quốc gia	thỏa thuận lẫn nhau của Hiệp hội công nhận phòng thí nghiệm Công nhận phòng thí nghiệm công nhận phòng thí nghiệm	thực phẩm đã được tổ chức công nhận hợp pháp của Việt Nam hoặc tổ chức công nhận nước ngoài là thành viên
h ân ân		en a como como como como como como como co
		; ;
	Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá - Nghị định số 107/2008/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp - Nghị định số 148/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực y tế	- Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17/6/2010 - Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật - Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của

	_		
٦	↽	7	۰
	0	v	

	Toàn
	- Luật An toàn thực phẩm - Nghị định số 148/2025/NĐ- CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực y tế - Thông tư số 08/2025/TT-BYT ngày 07/3/2025 của Bộ Y tế quy định hồ so, thủ tục cấp giấy chứng nhận đối với thực phẩm xuất khẩu thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế - Thông tư số 67/2021/TT-BTC ngày 05/8/2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn thực phẩm
	1.000.000 đồng
	Cơ quan chuyên môn về y tế thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan chuyên môn được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao nhiệm vụ
	Trực tiếp, trực tuyển hoặc qua bưu chính công ích
	Cấp giấy Trong thời Trong thời chứng hạn không trị với thực làm việc kể từ by phẩm xuất ngày nhận đủ cô khẩu hồ sơ hợp lệ
TCVN ISO/IEC 17025 hoặc Tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025	Cấp giấy chứng nhận đối với thực li phẩm xuất r khẩu
	12 1.013829
	

Phụ lục DANH MỘC THỦ TỰC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC BAN HÀNH MỚI VÀ BỊ BÃI BỔ TRONG LĨNH VỰC AN TOÀN THỰC PHẨM THUỘC PHẬM VI CHỨC NĂNG QUẨN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA NGÀNH Y TẾ TỈNH ĐỒNG NAI

Ban hành kèm theo Quyết định số 2250/QĐ-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai)

I. DANH MỰC THỦ TỰC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC BAN HÀNH MỚI

	Stt
1.013838	Stt Mã TTHC
Cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với sản phẩm thực phẩm thực phẩm khẩu thuộc quyền quản lý của Bộ Y tế	Tên TTHC
03 ngày làm việc, kể từ ngày thương nhân nộp hồ sơ đầy đủ, đúng quy định	Thời hạn giải quyết
Nộp hồ sơ đến Cơ quan chuyên môn về y tế thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan chuyên môn được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao nhiệm vụ qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc nộp trực tiếp	Địa điệm thực hiện
Cơ quan chuyên môn về y tế thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan chuyên môn được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao nhiệm vụ	Cơ quan thực hiện
Phí: 1.000.000 đồng/1 sản phẩm Lệ phí: không có (Thông tư số 67/2021/TT- BTC ngày 5/8/2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn thực phẩm)	Phí, lệ phí
- Luật An toàn thực phẩm - Nghị định số 148/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực y tế - Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật Quản lý ngoại thương - Thông tư số 67/2021/TT-BTC ngày 05/8/2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn thực phẩm	Căn cứ pháp lý
Toàn trình	DVCTT

-	J	Г
•	٦	

DVCTT		Toàn
Căn cứ pháp lý		- Luật An toàn thực phẩm - Nghị định số 148/2025/NĐ- CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực y tế - Nghị định số 69/2018/NĐ- CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật Quản lý ngoại thương - Thông tư số 67/2021/TT- BTC ngày 05/8/2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn thực phẩm
Phí, lệ phí		Không có
Cơ quan thực hiện		Cơ quan chuyên môn về y tế thuộc Ủy ban nhân dân cấp tính hoặc cơ quan chuyên môn được Ủy ban nhân dân cấp tính giao nhiệm vụ
Dịa điểm thực hiện	bưu chính công ích	Nộp hỏ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc trực tuyển (nếu có áp dụng) đến cơ quan chuyên môn về y tế thuộc Uỷ ban nhân dân cấp tính hoặc cơ quan chuyên môn được Ủy ban nhân tính giao nhiệm vụ
Thời hạn giải quyết		3 ngày làm việc
Tên		Sửa đổi, bổ sung, cấp lại giấy chứng nhận lưu hành tự do đối với sản phẩm xuất khẩu thuộc quản lý của Bộ Y tế (CFS)
Stt Mã TTHC		1.013847
Stt		- 7

,	Т -
ω	Stt
1.013851	Mã TTHC
Đăng ký nội dung quảng cáo đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm durỡng dùnh dưỡng thốn trẻ đến 36 tháng tuổi	Tên TTHC
10 ngày làm việc	Thời hạn giải quyết
Trực tiếp, trực tuyến hoặc qua bưu chính công ích	Địa điểm thực hiện
Cơ quan chuyên môn về y tế thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan chuyên môn được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao nhiệm vụ	Cơ quan thực hiện
- Phí: 1.100.000 dòng/làn/sản phẩm - Lệ phí: không có (Theo Thông tư 67/2021/TT-BTC ngày 05/08/2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn thực phẩm)	Phí, lệ phí
- Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17/6/2010 của Quốc hội - Luật Quảng cáo số 16/2012/QH13 ngày 21/6/2012 của Quốc hội - Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật An toàn thực phẩm - Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quảng cáo - Thông tư số 09/2015/TT-BYT ngày 25/5/2015 về xác nhận nội dung quảng cáo đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đặc biệt thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Y tế -Nghị định số 100/2014/NĐ-CP ngày 06/11/2014 của Chính phủ quy định về kinh doanh và sử dụng sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ nhỏ, bình bú và vú ngậm nhân tạo -Nghị định số 148/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính	Căn cứ pháp lý
Toàn trình	DVCT T

DVCT		Một phần
Căn cứ pháp lý	phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực y tế – Thông tư 67/2021/TT-BTC ngày 05/08/2021 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn thực phẩm	- Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17/6/2010 của Quốc hội - Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ sửa đổi một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế - Nghị định số 148/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực y tế - Thông tư 67/2021/TT-BTC ngày 05/08/2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn thực phẩm
Phí, lệ phí		- Phí: + Đối với cơ sở sản xuất nhỏ lẻ được cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm: 500.000 đòng/làn/cơ sở tuất khác (bao gồm cả cơ sở vừa sản xuất khác (bao gồm cả cơ sở vừa sản xuất khác (bao gồm cả cơ sở vừa sản xuất hực phám: 2.500.000 đồng/làn/cơ sở tịnh doanh dịch vụ ăn uống phục vụ đưới 200.000
Cơ quan thực hiện		-Phí: + Đối với cơ sở sản xuất nhỏ lẻ được cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm: 500.000 đồng/lần/cơ sở đủ điều kiện an toàn nhận dân cáp tính hoặc cơ quan chuyên môn được Ủy ban nhân dân cáp tính giao doanh) được cấp nhiệm vụ giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm: 2.500.000 đồng/lần/cơ sở + Đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống phục vụ đưới 200 suất ăn: 700.000
Địa điểm thực hiện		- Trực tiếp, trực tuyển hoặc qua bưu chính công ích
Thời hạn giải quyết		20 ngày làm việc
Tên TTHC		Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh 20 r dịch vụ ăn việc uống, cơ sở sản xuất thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế
Mã TTHC		1.013855
Stt		4

5		Stt
1.013858		Mã TTHC
bang ky bản công bố sản phẩm phẩm nhập khẩu đối với 1.013858 thực phẩm duồng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn		Tên TTHC
07 ngày		Thời hạn giải quyết
Qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp đến cơ quan tiếp nhận hồ sơ		Địa điểm thực hiện
Cơ quan chuyên môn về y tế thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan chuyên môn được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao nhiệm vụ		Cơ quan thực hiện
Phí:1.500.000 đồng/1 sản phẩm Lệ phí: không có	đồng /lần/cơ sở hình doanh dịch vụ ăn uống phục vụ từ 200 suất ăn trở lên: 1.000.000 đồng/lần/cơ sở - Lệ phí: không có (Theo Thông tư 67/2021/TT-BTC ngày 05/08/2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn thực phẩm)	Phí, lệ phí
 Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17/6/2010 của Quốc hội Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật An toàn thực phẩm Nghị định số 148/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực y tế Thông tư số 67/2021/TT- 		Căn cứ pháp lý
Toàn trình		DVCT

DVCT		Toàn	Một phần
Căn cứ pháp lý	BTC ngày 05/8/2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn thực phẩm	- Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17/6/2010 của Quốc hội - Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật An toàn thực phẩm - Nghị định số 148/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực y tế - Thông tư số 67/2021/TT-BTC ngày 05/8/2021 của Bộ Tải chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn thực phẩm	- Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006
Phí, lệ phí		Phí: 1.500.000 đồng/1 sản phẩm Lệ phí: không có	Phí: 28.500.000 đồng Lệ phí: không có
Cơ quan thực hiện		Cơ quan chuyên môn về y tế thuộc Ủy ban nhân dân cấp tính hoặc cơ quan chuyên môn được Ủy ban nhân dân cấp tính giao nhiệm vụ	Cơ quan chuyên môn về y tế thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ
Địa điểm thực hiện		Trực tiếp, trực tuyển hoặc qua bưu chính công ích	Trực tiếp, trực tuyến, hoặc bưu
Thời hạn giải quyết		07 ngày làm việc	45 ngày làm việc (chưa bao gồm thời gian
Tên TTHC	đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi	Đăng ký bản công bố sản phẩm sản xuất trong nước đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng chối trẻ đến 36 trẻ đến 36 tháng tuổi học biểt chố trẻ đến 36 tháng tuổi	Chi định cơ sở kiểm
Mã 'TTHC '		1.013862	1.013857
Stt		9	7

38		Stt
		Mã TTHC
	nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước	Tên TTHC
	nghiệm đánh giá cơ sở thực phẩm kiểm nghiệm) phục vụ quản lý nhà nước	Thời hạn giải quyết
	chính công ích	Địa điểm thực hiện
	quan chuyên môn được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao nhiệm vụ	Cơ quan thực hiện
	(Theo Thông tu 67/TT-BTC ngày 05/8/2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn thực phẩm)	Phí, lệ phí
יייי	- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá ngày 21 tháng 11 năm 2007 - Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17/6/2010 - Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật - Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá - Nghị định số 107/2008/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp - Nghị định số 148/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực y tế - Thông tư liên tịch số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT ngày 01/8/2013	Căn cứ pháp lý
		DVCT

DVCT						
Căn cứ pháp lý	Thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Quy	chỉ định cơ sở kiểm nghiệm	thực phâm phục vụ quản lý nhà nước	- Thông tư số 67/2021/TT- BTC ngày 05/8/2021 của Bô	Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nôp, quản lý và sử	dụng phí trong công tác an toàn thực nhậm
Phí, lệ phí						
Cơ quan thực hiện						
Địa điểm thực hiện						
Thời hạn giải Địa điểm quyết thực hiện						
Mã Tên TTHC TTHC						
Stt						

10			
	ı	•	

	∞
	1.013854
	Đăng ký gia hạn chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước
	- 45 ngày làm việc đối với cơ sở kiểm nghiệm thuộc đối tượng quy định tại Phần 7 Phụ lục 5 Nghị định 148/2025/NĐ -CP 30 ngày làm việc đối tượng quy định tại Phần nghiệm thuộc đối tượng quy định tại Phần 8 Phụ lục 5 Nghị định 148/2025/NĐ -CP.
	Trực trực hoặc chính ích
	tiếp, tuyến, bưu công
	Cơ quan chuyên môn về y tế thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan chuyên môn được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao nhiệm vụ.
	Phí: 20.500.000 đồng Lệ phí: không có (Theo Thông tư 67/2021/TT-BTC ngày 05/8/2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn thực phẩm)
rai chinh duy dinh muc thu,	- Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006 - Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá ngày 21 tháng 11 năm 2007 - Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17/6/2010 - Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật - Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá - Nghị định số 107/2008/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp - Nghị định số 148/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực y tế - Thông tư số 67/2021/TT-BTC ngày 05/8/2021 của Bộ
	Một phần

_	_
\subset	$\mathbf{\mathcal{D}}$
	٠.

	Một
chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn thực phẩm	 Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006 Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá ngày 21 tháng 11 năm 2007 Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17/6/2010 Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá Nghị định số 107/2008/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định vệ điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phủ hợp Nghị định số 148/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực y tế Thông tu liên tịch số
	Phí: 28.500.000 đồng Lệ phí: không có (Theo Thông tư 67/2021/TT-BTC ngày 05/8/2021 của Bộ Tải chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn thực phẩm)
1	Cơ quan chuyên môn về y tế thuộc Ủy ban nhân dân cấp tính hoặc cơ quan chuyên môn được Ủy ban nhân dân cấp tính giao nhiệm vụ.
	Trực tiếp, trực tuyển, hoặc bưu chính công ích
	- 45 ngày làm việc đối với cơ sở kiểm nghiệm thuộc đối tượng quy định tại Phần 7 Phụ lục 5 Nghị định 148/2025/NĐ - CP (không bao gồm thời gian đánh giá tại cơ sở kiểm nghiệm) - 30 ngày làm việc đối với cơ sở kiểm nghiệm thuộc đối tượng quy định tại Phần 8 Phụ lục 5 Nghị định 148/2025/NĐ - CP (không bao gồm thời gian đánh giá tại cơ sở kiểm nghiệm nhù cổm thời gian đánh giá tại cơ sở kiểm nghiệm nếu cần thiết)
	Đăng ký thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước
	9 1.013850

•	7	7	7
١			à

10	
1.013844	
	P)ăno ký
30 ngày làm việc (chưa bao gồm thời gian đánh giá cơ sở kiểm trong trường hợp cần thiết)	
Trực trực hoặc chính ích	
tiếp, tuyến, bưu n công	
Cơ quan chuyên môn về y tế thuộc Ủy ban nhân dân cấp tính hoặc cơ quan chuyên môn được Ủy ban nhân dân cấp tính giao nhiệm vụ	
Phí: 28.500.000 đồng Lệ phí: không có (Theo Thông tư 67/2021/TT-BTC ngày 05/8/2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn thực phẩm)	
- Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006 - Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá ngày 21 tháng 11 năm 2007 - Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17/6/2010 - Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật - Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số diều của Luật thủ hành một số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thì hành một số diều của Luật	20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT ngày 01/8/2013 của Bộ Y tế, Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Quy định điều kiện, trình tự thủ tục chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước - Thông tư số 67/2021/TT-BTC ngày 05/8/2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn thực phẩm
Một phần	

	0000
	\sim
•	
-	_

	Toàn trình
Chất lượng sản phẩm, hàng hoá - Nghị định số 107/2008/NĐ- CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp - Nghị định số 148/2025/NĐ- CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực y tế - Thông tư số 67/2021/TT- BTC ngày 05/8/2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trọng công tác an toàn thực phẩm	 Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006 Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá ngày 21 tháng 11 năm 2007
	Không có
	Cơ quan chuyên môn về y tế thuộc Ủy ban nhân dân cấp tính hoặc cơ quan chuyên môn được Ủy ban nhân dân cấp tính giao nhiệm vụ
	Trực tiếp, trực tuyến, hoặc bưu chính công ích
	05 ngày làm việc
của Hiệp hội công nhận phòng thí nghiệm Quốc tế, Hiệp hội công nhận phòng thí nghiệm Châu Á-Thái Bình Dương đánh giá và cấp chứng chỉ công nhận theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025 hoặc Tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025	Miên kiểm tra giám sát đối với cơ sở kiểm nghiệm
	1.013841
	11

Duong đánh giá và cấp chứng chỉ công nhận theo Tiêu chuẩn quốc gia	công nhận phòng thí nghiệm Châu Á- Thái Bình	hội công nhận phòng thí nghiệm Quốc tế, Hiệp hôi	ngoài là thành viên tham gia thỏa thuận lẫn nhau	pháp của Việt Nam hoặc tổ chức công nhân nước	thực phẩm đã được tổ chức công
	CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực y tế	hoá - Nghị định số 107/2008/NĐ- CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phủ hợp - Nghị định số 148/2025/NĐ-	- Nghị định số 132/2008/NĐ- CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng	 Nghị định số 127/2007/NĐ- CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ 	 - Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17/6/2010

٦	ς	Ī	7	ľ
		1	٠	
_			1	

	Toàn
	- Luật An toàn thực phẩm - Nghị định số 148/2025/NĐ- CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực y tế - Thông tư số 08/2025/TT- BYT ngày 07/3/2025 của Bộ Y tế quy định hồ so, thủ tục cấp giấy chứng nhận đối với thực phẩm xuất khẩu thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế - Thông tư số 67/2021/TT- BTC ngày 05/8/2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn thực phẩm
	1.000.000 đồng
	Cơ quan chuyên môn về y tế thuộc Ủy ban nhân dân cấp tính hoặc cơ quan chuyên môn được Ủy ban nhân dân cấp tính giao nhiệm vụ
	Trực tiếp, trực tuyển hoặc qua bưu chính công ích
	Cấp giấy Trong thời chứng hạn không th nhận đối quá 05 ngày họ làm việc kể từ phẩm xuất ngày nhận đủ khẩu hồ sơ hợp lệ
TCVN ISO/IEC 17025 hoặc Tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025	Cấp giấy chứng nhận đối c với thực là phẩm xuất n khẩu l
	12 1.013829
	<u> </u>